CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 14 THÁNG 8 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						***346 681***	***152 295***	***194 386***			
I	**CẢNG CHÍNH**							**101 660**	**39 332**	**62 328**			
	Tàu đã làm hàng (trong cầu)							***21 800***	***21 740***	***60***			
1		ĐIỆN DUYÊN HẢI	31/7	487B/7		QUANG VINH DIAMOND	CÁM 6A.14	20 500	20 451	49	13/8	HỘ LỚN	TTCO: 20.451,28 Thay TBRT Số 487/7
2		DVVT QUẢNG NINH	6/8	1995/8	13/8	BN 2615	CỤC XÔ 1C	1 300	1 289	11	13/8	TD	
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***23 050***	***17 592***	***5 458***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	10/8	511/8		HẢI NAM 88	CÁM 6A.1	23 050	17 592	5 458	RÓT DỞ	HỘ LỚN	TTCO: 23.050
	Tàu đã làm lệnh (trong cầu)							***56 810***		***56 810***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	13/7	455B/7		VIỆT THUẬN 26-01	CÁM 6A.1	25 600		25 600		HỘ LỚN	Thay TBRT số 455/7 TTCO: 25.600
2		ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ	28/7	484/7		VIỆT THUẬN 235-01	CÁM 5A.10	23 000		23 000		HỘ LỚN	TTCO: 23.000
3		SX & TM THAN UÔNG BÍ	6/8	1989/8	13/8	BN 2196	CỤC XÔ 1C	1 100		1 100		TD	
4		MẶT TRỜI VIỆT NINH BÌNH	7/8	2002/8	14/8	NB 8530	CỤC XÔ 1C	1 200		1 200		TD	
5		CROMIT CỔ ĐỊNH THANH HÓA	10/8	2018/8	17/8	BN 0719	CỤC XÔ 1C	1 160		1 160		TD	
6		VT & KDT	10/8	2019/8	17/8	NB 8707	CỤC XÔ 1C	1 200		1 200		TD	
7		ĐTTM & DỊCH VỤ	10/8	2020/8	17/8	BN 2519	CỤC XÔ 1C	1 150		1 150		TD	
8		TRƯỜNG ANH 888	11/8	2028/8	18/8	BN 1883	CỤC XÔ 1C	1 100		1 100		TD	
9		THAN MIỀN TRUNG	12/8	2045/8	19/8	VIỆT TRUNG 68	CỤC XÔ 1C	1 300		1 300		TD	
	Tàu chuyển tải							**146 340**	**101 229**	**45 111**			
	Tàu đã làm hàng							***46 500***	***46 269***	***231***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	7/8	507/8		VIỆT THUẬN OCEAN	CÁM 6A.1	46 500	46 269	231	13/8	HỘ LỚN	TTHG: 41.293,43 - KVCP: 4.975,21
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***71 190***	***54 960***	***16 230***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	15/7	463/7		PACIFIC 01	CÁM 6A.1	27 690	24 700	2 990	DỞ	HỘ LỚN	TTHG: 22.500 - KVCP: 5.690
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	5/8	504/8		QUANG VINH 188	CÁM 6A.1	22 800	19 130	3 670	DỞ	HỘ LỚN	TTHG: 18.000 - KVCP: 4.800
3		ĐIỆN VĨNH TÂN	9/8	509/8		VIỆT THUẬN 215-06	CÁM 6A.14	20 700	11 130	9 570	DỞ	HỘ LỚN	XNKT: 10.000 KVCP: 4.700 KDTCP: 6.000
	Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)							***28 650***		***28 650***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	11/8	512/8		HẢI NAM 39	CÁM 6A.1	28 650		28 650		HỘ LỚN	TTHG: 23.000 KVCP: 5.650
II	**KHO G9-HÓA CHẤT**							**43 512**	**4 064**	**39 448**			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 14 THÁNG 8 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	Tàu đã làm hàng							***2 936***	***2 908***	***28***			
1		KDT MIỀN BẮC	11/8	2024/8	21/8	HP 6559	CÁM 7C	1 636	1 615	21	13/8	PTCB	NGUỒN ĐN-CS
2		XDCN MỎ - TC ĐÔNG BẮC	11/8	2022/8	18/8	BN 2969	CỤC XÔ 1B	1 300	1 293	7	13/8	TD	NGUỒN ĐN-CS
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***3 860***	***1 156***	***2 704***			
1		KDT HẢI PHÒNG	12/8	2037/8	22/8	HP 6863	CÁM 7C	2 310	1 156	1 154	RỐT DỞ	PTCB	NGUỒN ĐN-CS
2		KDT HẢI PHÒNG	12/8	2036/8	22/8	HP 5925	CÁM 6B.1	1 550		1 550		PTCB	NGUỒN HẠ LONG
	Tàu đã làm lệnh							***36 716***		***36 716***			
1		KDT MIỀN BẮC	12/8	2048/8	22/8	HD 1256	CÁM 6B.1	1 345		1 345		PTCB	NGUỒN HẠ LONG
2		KDT HẢI PHÒNG	10/8	1947/8	17/8	BN 2936	CÁM 8B	1 900		1 900		TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 1
3		KDT HÀ NỘI	10/8	1921/7	17/8	BN 2212	CÁM 8A	1 921		1 921		TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 2
4		CBT QUẢNG NINH	6/8	1993/8	13/8	QN 8759	CÁM 8B	1 700		1 700		TD	NGUỒN ĐN-CS
5		THAN MIỀN NAM	7/8	1997/8	14/8	AN THÀNH 68	CÁM 8A	800		800		TD	Thay TBRT 1992/8
							CỤC XÔ 1B	1 000		1 000		TD	
6		DVVT QUẢNG NINH	11/8	1937/7	18/8	BN 2139	CỤC XÔ 1A	1 050		1 050		TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 2
7		SÔNG HỒNG - TCT ĐÔNG BẮC	11/8	1903/7	18/8	QN 8547	CÁM 8A	996		996		TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 2
8		XNK ANH KHOA	11/8	1936/7	18/8	BN 2267	CỤC XÔ 1B	1 250		1 250		TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 2
9		CROMIT CỔ ĐỊNH THANH HÓA	11/8	1925/7	18/8	HD 2266	CÁM 8A	1 979		1 979		TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 2
10		KDT HÀ NỘI	11/8	1922/7	18/8	BN 0988	CỤC XÔ 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 2
11		CP XNK THAN	11/8	2023/8	18/8	TIẾN THỊNH 09	CÁM 8A	1 700		1 700		TD	NGUỒN ĐN-CS
12		VT & KDT	11/8	2033/8	18/8	BN 1336	CỤC XÔ 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
13		XNK ANH KHOA	12/8	2039/8	19/8	BN 1826	CỤC XÔ 1B	1 130		1 130		TD	NGUỒN ĐN-CS Thay TBRT 1936/7
14		KDT CẦU ĐUỐNG	12/8	1943/8	19/8	BN 2056	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 2
15		ĐTTM & DỊCH VỤ	12/8	2038/8	19/8	BN 1386	CỤC XÔ 1B	1 100		1 100		TD	NGUỒN TN

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 14 THÁNG 8 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
16		KDT BẮC TRUNG BỘ	12/8	2034/8	19/8	NB 2952	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	NGUỒN CAO SƠN
17		THAN SÔNG HỒNG	12/8	2035/8	19/8	BN 1626	CÁM 8A	917		917		TD	NGUỒN ĐN-CS
18		SX & TM THAN UÔNG BÍ	12/8	2040/8	19/8	HD 2325	CÁM 8A	1 360		1 360		TD	NGUỒN ĐN-CS
19		DVVT QUẢNG NINH	12/8	2044/8	19/8	BN 2388	CÁM 8A	1 500		1 500		TD	NGUỒN ĐN-CS
20		SX & TM THAN UÔNG BÍ	12/8	2042/8	19/8	BN 0758	CÁM 8A	1 247		1 247		TD	NGUỒN ĐN-CS
21		THAN MIỀN NAM	12/8	2043/8	19/8	DŨNG CHIẾN 89	CÁM 8A	2 300		2 300		TD	NGUỒN ĐN-CS
22		HÀNG HẢI VIỆT NAM	13/8	1977/8	20/8	BN 1486	CÁM 8A	1 600		1 600		TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 1
23		ĐTTM & DỊCH VỤ	13/8	1973/8	20/8	NĐ 3692	CÁM 8A	2 400		2 400		TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 1
24		CROMIT CỔ ĐỊNH THANH HÓA	13/8	1980/8	20/8	HD 1818	CÁM 8A	1 981		1 981		TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 1
25		THÁI SƠN HP	13/8	2052/8	20/8	PT 2689	CÁM 8A	1 540		1 540		TD	NGUỒN ĐN-CS
III	**KHO BẢO NGUYÊN**							**-**	**-**	**-**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu dự kiến rót trong ngày												
	Tàu đã làm lệnh												
IV	**KHO CẢNG KM6**							**14 869**	**7 670**	**7 199**			
	Tàu đã làm hàng							***7 204***	***7 188***	***16***			
1		KDT MIỀN BẮC	12/8	2041/8	22/8	HP 5795	CÁM 6B.1	5 068	5 057	11	13/8	PTCB	
2		KDT MIỀN BẮC	13/8	2051/8	23/8	HP 6692	CÁM 5A.10	2 136	2 131	6	13/8	PTCB	
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***4 929***	***482***	***4 447***			
1		KDT MIỀN BẮC	13/8	2050/8	23/8	BN 2728	CÁM 6A.1	2 585		2 585		PTCB	
2		KDT MIỀN BẮC	13/8	2058/8	23/8	BN 1988	CÁM 6B.1	1 400		1 400		PTCB	
3		CP XNK THAN	12/8	2049/8	19/8	QN 8748	CỤC DON 8A	944	482	462	RÓT DỞ	TD	NGUỒN QUANG HANH
	Tàu đã làm lệnh							***2 736***		***2 736***			
1		KHO VẬN ĐÁ BẠC	11/8	2030/8	21/8	VIỆT NHẬT 19	CÁM 6A.1	2 736		2 736		CHUYỂN VÙNG	
V	**TÀU XUẤT KHẨU**							**18 300**	**-**	**18 300**			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 14 THÁNG 8 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu dự kiến rót trong ngày												
	Tàu đã làm lệnh							***18 300***		***18 300***			
1		INDONESIA	7/8	5589		MV HUI FENG HAI 16	CỤC 5B.2	15 000		15 000			
2		NHẬT BẢN	11/8	5641		MV YONG SHENG VII	CỤC 4A.1	3 300		3 300			
VI	**TÀU NHẬP KHẨU**			***ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH***				**22 000**	-	**22 000**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***5 000***		***5 000***			
1		LÀO	13/8	5703		VIỆT THUẬN 235-06	Than Anthracite Lào	5 000		5 000			TTCO: 5.000
	Tàu đã làm lệnh							***17 000***		***17 000***			
1		ÚC	12/8	5680		MV WOOLLOOMOOLOO	Than nhiệt xuất xứ tù Úc	17 000		17 000			TTCO: 12.000 KVCP: 5.000